TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN.

Giáo viên thực hiện: Nguyễn Thị Nguyệt

Tiết PPCT: 21,22,23.

TÊN BÀI DẠY

BÀI 11: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

(Thời gian thực hiện: 03 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động tra cứu, cập nhật số liệu mới nhất về quy mô dân số, đô thị hoá của Đông Nam Á từ các nguồn học thuật uy tín để làm bài báo cáo ở nhà.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Lựa chọn, chắt lọc các từ khoá cốt lõi; xâu chuỗi các dữ kiện từ bài trắc nghiệm thành một đoạn văn logic mang tính khái quát cao.

*** Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:* Xác định được vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và đặc điểm dân cư, xã hội của khu vực Đông Nam Á. Phân tích được các ảnh hưởng của chúng đối với kinh tế - xã hội khu vực.
- *Tìm hiểu địa lí:* Biết khai thác, sử dụng bản đồ, số liệu, thông tin để làm rõ kiến thức địa lí.
- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí, phạm vi lãnh thổ; Đặc điểm tự nhiên; Đặc điểm dân cư, xã hội các nước Đông Nam Á. Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến vị trí, phạm vi lãnh thổ; Đặc điểm tự nhiên; Đặc điểm dân cư, xã hội các nước Đông Nam Á.

*** Tích hợp phát triển năng lực số:**

- Tích hợp BĐKH và môi trường: Tác động của nước biển dâng, bão lũ và suy giảm tài nguyên rừng, sinh vật, biển tại ĐNA.

3. Phẩm chất

- *Chăm chỉ:* Hăng hái, tốc độ trong các trò chơi học tập trên lớp; nỗ lực hoàn thành các phiếu học tập và nhiệm vụ tự học ở nhà.
- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.
- *Nhân ái:* Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hóa cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Máy tính có kết nối Internet, máy chiếu hoặc bảng tương tác thông minh để trình chiếu nền tảng trò chơi bản đồ Lizardpoint và không gian Google Earth 3D.
- Phiếu học tập.

- Giấy nhớ (Sticky notes) có keo dính sẵn (chia làm 2 màu khác biệt cho phần Dân cư và phần Xã hội) cùng bút dạ nét to.
- Danh sách các trang web thống kê uy tín (World Bank, UN Population, Tổng cục Thống kê...) để chiếu lên màn hình giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh.

2. Đối với học sinh

- Sách giáo khoa Địa lí 11, vở ghi.
- Thẻ đáp án trắc nghiệm A, B, C, D (hoặc bảng con, phấn/bút dạ) để tham gia vòng thi Đại sứ.
- Điện thoại thông minh/máy tính có kết nối Internet để tham gia trò chơi bản đồ đầu giờ (nếu GV cho phép) và để thực hiện nhiệm vụ tra cứu số liệu báo cáo ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

- Kích hoạt kiến thức nền của học sinh về tên gọi và vị trí không gian của 11 quốc gia khu vực Đông Nam Á. Tích hợp Ngoại ngữ: Học sinh nhận diện và ghi nhớ được tên Tiếng Anh của các quốc gia Đông Nam Á. Tạo không khí lớp học sôi nổi, hào hứng mang tính thi đua.
- [2.1.NC1a]: Học sinh sử dụng thiết bị tương tác (màn hình thông minh/máy tính) và trình duyệt web để truy cập nền tảng trò chơi trực tuyến, thao tác click/chọn trực tiếp để giải quyết vấn đề định vị không gian địa lí.

b) Nội dung: HS làm việc cả lớp tham gia Thử thách "Bản đồ tương tác - Tìm nhanh quốc gia Đông Nam Á".

c) Sản phẩm:

- Thao tác click chọn đúng vị trí các quốc gia trên bản đồ của học sinh.
- Điểm số (Score) và thời gian hoàn thành thử thách hiển thị trên phần mềm.
- Học sinh nhận diện được 11 quốc gia khu vực Đông Nam Á.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV truy cập sẵn đường link: https://lizardpoint.com/geography/asia-southeast-quiz.php và trình chiếu lên màn hình ti vi/bảng tương tác của lớp.

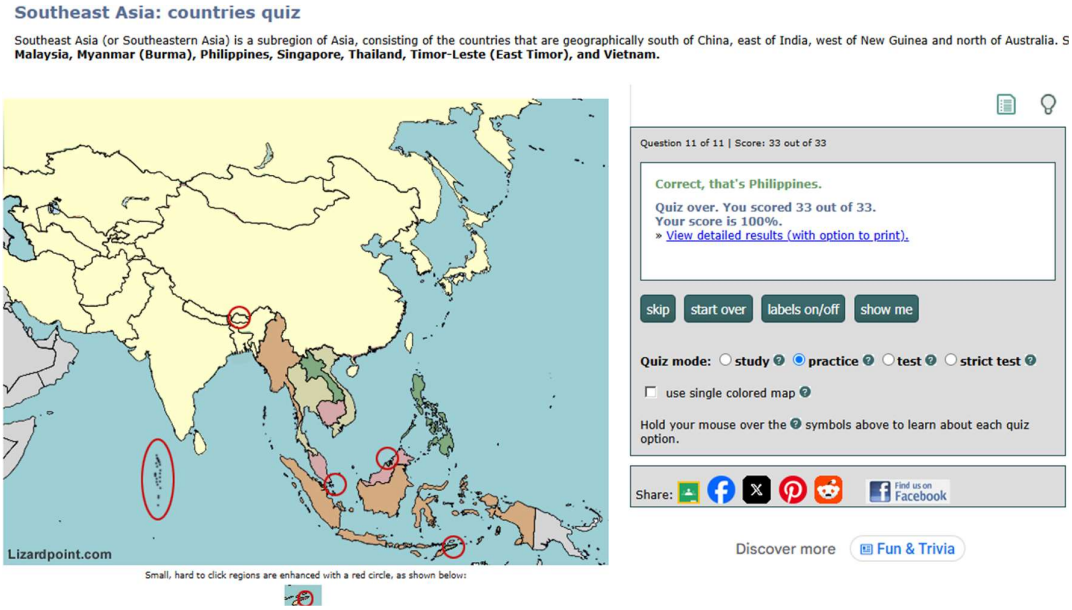

+ Phổ biến luật chơi: Trên màn hình là bản đồ câm của khu vực Đông Nam Á. Hệ thống sẽ đưa ra yêu cầu bằng Tiếng Anh. Nhiệm vụ của người chơi là phải nhanh mắt, nhanh tay click chính xác vào vị trí quốc gia đó trên bản đồ. Mỗi lượt click đúng được cộng điểm, click sai bản đồ sẽ báo lỗi.

+ GV mời đại diện 2 học sinh (hoặc đại diện 2 dãy bàn) lên thi đấu đối kháng trực tiếp tính thời gian. (Lưu ý: Nếu HS có điện thoại/máy tính bảng, GV có thể gửi link vào nhóm lớp để cả lớp cùng thi đua).

- Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các HS được chọn lên bục giảng thực hiện thao tác click chọn quốc gia theo yêu cầu của hệ thống.

+ GV đóng vai trò quản trò, khích lệ và bấm giờ.

- Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

+ Kết thúc lượt chơi, website sẽ báo tổng điểm.

+ GV tuyên dương cá nhân/đội có phản xạ nhanh, tìm đúng vị trí.

- Bước 4. Kết luận, nhận định:

+ GV khen ngợi khả năng Địa lí và Tiếng Anh của lớp.

+ Mở rộng & Giao nhiệm vụ tự học*: "Trang web Lizardpoint mà chúng ta vừa chơi không chỉ có khu vực Đông Nam Á mà còn tích hợp bản đồ trò chơi của tất cả các châu lục và quốc gia trên toàn thế giới. Cô/thầy rất khuyến khích các em lưu lại đường link này để về nhà tự chơi, tự khám phá thêm để nâng cao kĩ năng số và vốn Tiếng Anh của mình nhé!"*

+ Dẫn dắt: *"Quay trở lại với bản đồ vừa rồi, các em đã xác định được rất nhanh vị trí của 11 quốc gia. Vậy vị trí này đem lại những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế? Phạm vi lãnh thổ của khu vực trải dài ra sao? Chúng ta cùng chính thức bước vào Bài 11 - Tiết 1: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ khu vực Đông Nam Á."*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

a) Mục tiêu

- Phân tích được ảnh hưởng của phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Xác định được vị trí của khu vực và kể tên các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.
- Tích hợp phát triển Năng lực số [2.1.NC1a]: Học sinh quan sát, nắm bắt kĩ năng sử dụng nền tảng bản đồ số (Google Earth 3D) để xác định vị trí, định vị không gian và trực quan hoá các đối tượng địa lí.

b) Nội dung: Học sinh làm việc cặp đôi, GV hướng dẫn khai thác Google Earth. HS quan sát video/thao tác trực tiếp trên Google Earth, kết hợp đọc thông tin mục I và hình 11.1 (SGK) để hoàn thành Phiếu học tập số 1.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập số 1 của học sinh đã điền đầy đủ thông tin. Vở ghi chép nội dung chuẩn kiến thức.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Trải nghiệm Google Earth: GV chiếu một đoạn video ngắn (hoặc thao tác trực tiếp trên trình duyệt web) hướng dẫn cách dùng Google Earth 3D về khu vực Đông Nam Á.

+ GV chia lớp thành các cặp đôi (bạn cùng bàn).

+ GV phát Phiếu học tập số 1 và yêu cầu: "Dựa vào video chúng ta vừa xem, kết hợp với kênh chữ Mục I và Hình 11.1, các cặp đôi hãy hoàn thành PHT số 1 trong 4 phút.

- **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS tiến hành đọc thông tin mục I SGK và quan sát hình 11.1.

+ Các cặp đôi trao đổi, chắt lọc từ khoá để điền nhanh vào Phiếu học tập. GV đi vòng quanh quan sát, hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn.

- **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**

+ GV cho bốc thăm (hoặc chỉ định) ngẫu nhiên một số cặp HS đứng tại chỗ đọc to kết quả từng phần trong Phiếu học tập.

+ GV có thể yêu cầu HS lên bảng, chỉ trực tiếp trên giao diện Google Earth (hoặc bản đồ treo tường) để xác định các biển, đại dương và eo biển Ma-lắc-ca.

+ Các cặp khác nhận xét, bổ sung chéo cho nhau.

- **Bước 4. Kết luận, nhận định:**

+ GV đánh giá cao tinh thần làm việc của các cặp đôi, tuyên dương những bạn chỉ bản đồ tốt.

+ GV chiếu Đáp án Phiếu học tập lên màn hình để HS đối chiếu và chuẩn kiến thức ghi bài.

Nội dung ghi bài

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

1. Phạm vi lãnh thổ

- Gồm 11 quốc gia, diện tích khoảng 4,5 triệu km².
- Bao gồm hai bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

2. Vị trí địa lí

- Nằm ở phía đông nam của châu Á; phần đất liền trải dài từ khoảng vĩ độ 28°B đến 10°N.
- Tiếp giáp: Phía bắc giáp Đông Á; phía tây giáp Nam Á và vịnh Ben-gan; phía đông giáp Thái Bình Dương; phía nam giáp Ô-xtrây-li-a và Ấn Độ Dương.
- Là cầu nối giữa lục địa Á - Âu với lục địa Ô-xtrây-li-a, nơi giao thoa giữa các vành đai sinh khoáng và các luồng sinh vật.

3. Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

- Thuận lợi:

+ Nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế (đặc biệt là eo biển Ma-lắc-ca), thuận lợi cho giao lưu, phát triển kinh tế.

+ Tài nguyên thiên nhiên phong phú.

+ Có vị trí địa - chính trị quan trọng, là nơi giao thoa của các nền văn hóa lớn.

- Khó khăn: Nằm trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của các thiên tai (bão, động đất, núi lửa, sóng thần...).

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

a) Mục tiêu:

- HS trình bày được đặc điểm nổi bật của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển kinh tế – xã hội của khu vực.
- Đọc được bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á và rút ra nhận xét

b) Nội dung:

- HS làm việc nhóm để hoàn thành một phần của Phiếu học tập số 2 về 6 nhân tố tự nhiên.

c) Sản phẩm: Bảng phụ/Giấy A0 ghi từ khoá của các nhóm và Bảng chuẩn kiến thức của cả lớp.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV chia lớp thành 6 nhóm

+ GV giao nhiệm vụ chuyên sâu (để tiết kiệm thời gian, mỗi nhóm chỉ làm 1 mảng):

- ✓ Nhóm 1: chuyên gia địa hình & đất
- ✓ Nhóm 2: chuyên gia khí hậu
- ✓ Nhóm 3: chuyên gia sông, hồ
- ✓ Nhóm 4: chuyên gia sinh vật
- ✓ Nhóm 5: chuyên gia khoáng sản
- ✓ Nhóm 6: chuyên gia biển

+ GV nhắc HS: "Các nhóm có đúng 5 phút đọc thông tin Mục II và quan sát Hình 11.1, chắt lọc các từ khóa quan trọng nhất để ghi ra Bảng phụ/Giấy A2 về đặc điểm và ảnh hưởng của nhân tố nhóm mình phụ trách, xác định được các đối tượng trên bản đồ"

Lưu ý: Nếu HS yếu thì GV in PHT số 2 để các em làm theo sườn gợi ý.

- Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS nhanh chóng phân công: người đọc SGK, người dò bản đồ, người viết bảng.

+ GV đi lướt qua các nhóm, đôn đốc tốc độ và hỗ trợ định hướng từ khóa ngắn gọn, không chép dài dòng.

- Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

+ GV áp dụng kĩ thuật "Báo cáo nhanh": Hết thời gian, tất cả các nhóm đính bảng phụ lên bảng đen theo thứ tự từ 1 đến 6.

+ Đại diện mỗi nhóm đứng tại chỗ thuyết trình thật to và nhanh trong đúng 1 phút/nhóm.

+ GV gọi HS lên xác định trên bản đồ các dạng địa hình, các loại khoáng sản chính.

- Bước 4. Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét nhanh kĩ năng làm việc nhóm, biểu dương nhóm có bảng từ khoá khoa học nhất và cho điểm trực tiếp.

+ GV chiếu bảng chuẩn kiến thức lên màn hình để học sinh toàn lớp chụp ảnh hoặc điền nhanh vào vở.

Nội dung ghi bài

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Địa hình và đất

Đặc điểm	Ảnh hưởng
- Đông Nam Á lục địa: + Địa hình núi bị chia cắt mạnh. Chủ yếu là đất feralit. + Có các đồng bằng châu thổ do các hệ thống sông lớn bồi đắp. Chủ yếu là đất phù sa.	- Thuận lợi phát triển nông nghiệp với cơ cấu đa dạng. - Khó khăn cho phát triển giao thông, giao lưu kinh tế, định cư, nhiều thiên tai.
- Đông Nam Á hải đảo: + Chủ yếu là núi trẻ với nhiều núi lửa.	- Thuận lợi để phát triển du lịch, giao thông vận tải, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

+ Các đồng bằng phần lớn nhỏ hẹp nằm ven biển. + Đất khá màu mỡ.	- Khó khăn: Chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai.

2. Khí hậu

Đặc điểm	Ảnh hưởng
- Chủ yếu nằm trong các đới khí hậu xích đạo và nhiệt đới. - Phân hóa đa dạng: + Đông Nam Á lục địa và phần lớn lãnh thổ Phi-líp-pin có kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa là chủ yếu. + Khu vực Đông Nam Á hải đảo có khí hậu nhiệt đới gió mùa, khí hậu xích đạo và cận xích đạo. + Ở các khu vực có địa hình núi cao, khí hậu có sự phân hóa theo đai cao.	* Thuận lợi: - Thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với nhiều sản phẩm có giá trị xuất khẩu. - Thuận lợi để phát triển du lịch và cư trú. * Khó khăn: Nhiều thiên tai: như bão, lũ lụt, hạn hán,...

3. Sông, hồ

Đặc điểm	Ảnh hưởng
- Lục địa: mạng lưới sông ngòi dày đặc: Mê Công, I-ra-oa-đi, Hồng, Mê Nam,… Chế độ nước theo mùa. - Hải đảo: sông ngắn, nhiều nước. - Có nhiều hồ nước ngọt, lớn nhất là Biển Hồ (hồ Tông-lê Sáp)	* Thuận lợi: - Giao thông đường thủy. - Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. - Sản xuất điện, phát triển du lịch,... - Cung cấp nước cho sinh hoạt. * Khó khăn: - Một số sông có độ dốc lớn, gây trở ngại cho giao thông. - Thường xảy ra lũ, lụt.

4. Sinh vật

Đặc điểm	Ảnh hưởng
- Có tài nguyên sinh vật và mức độ đa dạng sinh học phong phú bậc nhất thế giới. - Diện tích rừng nhiệt đới khoảng 2 triệu km^2 - Trong rừng có nhiều loại gỗ quý, trữ lượng lớn như lim, nghiến, táu,...	* Thuận lợi: - Lâm nghiệp. - Công nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ. - Thủy sản. - Du lịch,... * Khó khăn: Rừng đang bị khai thác quá mức. Cần chú ý đến vấn đề môi trường và suy giảm đa dạng sinh học.

5. Khoáng sản

Đặc điểm	Ảnh hưởng
- Nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng - Một số khoáng sản tiêu biểu: thiếc, đồng, sắt, than, dầu mỏ, khí tự nhiên,...	* Thuận lợi: - Cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành kinh tế. - Là nguồn hàng xuất khẩu. * Khó khăn: - Quá trình khai thác và chế biến dễ gây ô nhiễm môi trường. - Có nguy cơ cạn kiệt.

EM CÓ BIẾT?

Ma-lai-xi-a chiếm tới 50% trữ lượng thiếc toàn thế giới. In-đô-nê-xi-a chiếm khoảng 7,5% trữ lượng đồng, 13% trữ lượng sắt, 5% trữ lượng ni-ken toàn cầu và nằm trong số 6 quốc gia có trữ lượng than đá lớn nhất thế giới. Việt Nam giàu sắt, than đá, dầu mỏ, bô-xít. Phi-líp-pin giàu quặng crôm và ni-ken nhất khu vực.

6. Biển

Đặc điểm	Ảnh hưởng
- Có vùng biển rộng lớn, thông ra Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. - Vùng biển giàu hải sản, khoáng sản, có nhiều bãi biển đẹp, nhiều vịnh biển,...	* Thuận lợi: Phát triển các ngành kinh tế biển: - Nuôi trồng và đánh bắt hải sản. - Khai thác khoáng sản. - Giao thông vận tải biển. - Du lịch biển,... * Khó khăn: - Một số loại tài nguyên biển bị khai thác quá mức. - Ô nhiễm môi trường biển.

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu dân cư và xã hội

a) Mục tiêu: Củng cố, hệ thống hóa kiến thức lí thuyết về vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á. Rèn luyện kĩ năng xâu chuỗi thông tin, tư duy logic và phản xạ nhanh.

b) Nội dung: HS làm việc theo cụm tìm hiểu dân cư, xã hội Đông Nam Á.

c) Sản phẩm: hệ thống từ khóa và câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV chia bảng đen trên lớp làm 2 nửa lớn: Cột 1: DÂN CƯ và Cột 2: XÃ HỘI.

+ GV chia lớp thành 2 mảng nhiệm vụ (Giao 1 xấp giấy nhớ/giấy note có lớp keo dính và 1 bút dạ to cho mỗi nhóm):

✓ **Các nhóm DÃY TRÁI (Tìm hiểu DÂN CƯ):** Đọc mục III.1, tìm các từ khoá về Quy mô, cơ cấu, phân bố, đô thị hoá và Tác động của chúng.

✓ **Các nhóm DÃY PHẢI (Tìm hiểu XÃ HỘI):** Đọc mục III.2, tìm các từ khoá về Văn hoá, tôn giáo, chất lượng cuộc sống và Tác động của chúng.

+ Luật chơi: *"Trong 5 phút, các nhóm tìm được ý nào, hãy viết NGẮN GỌN (dưới 5 chữ) vào 1 tờ giấy nhớ. Hết 5 phút, đại diện các nhóm sẽ chạy lên bảng, dán các tờ giấy nhớ của nhóm mình vào đúng cột quy định. Nhóm nào tìm được nhiều từ khoá đúng nhất sẽ chiến thắng!"*

- Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS tiến hành đọc SGK. Một bạn tìm ý đọc lên, một bạn cầm bút dạ viết nhanh từ khoá vào tờ giấy nhớ và bóc sẵn ra mép bàn.

+ (Ví dụ HS viết: "Dân số đông", "Cơ cấu trẻ", "Đô thị hoá nhanh", "Thị trường lớn", "Sức ép việc làm"...).

+ GV đi vòng quanh đôn đốc tốc độ, nhắc nhở HS viết chữ to, rõ ràng.

- Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

+ GV hô: "Hết giờ! Xin mời đại diện các nhóm mang giấy nhớ lên dán vào bảng!"

+ Các em HS chạy lên dán.

+ GV đứng trực tiếp ở bảng, nhanh tay nhóm các tờ giấy nhớ có nội dung giống nhau lại thành từng cụm. Đọc to các từ khoá nổi bật lên cho cả lớp cùng nghe.

+ GV chiếu các bảng số liệu, biểu đồ và dẫn dắt để HS nhận xét, rút ra kết luận.

- Bước 4. Kết luận, nhận định:

+ GV khen ngợi tinh thần làm việc nhóm và sự nhanh nhẹn của các em.

+ GV mở rộng kiến thức chuyên sâu (dựa trên các từ khoá HS vừa dán):

✓ *"Ngoài 'cơ cấu dân số vàng', hiện nay **già hoá dân số** đang trở thành thách thức lớn mà nhiều quốc gia Đông Nam Á phải đối mặt, điển hình là Xin-ga-po, Thái Lan và Việt Nam."*

✓ *"Về tôn giáo, khu vực ta rất đa dạng: Phật giáo phổ biến ở lục địa, Hồi giáo phổ biến ở hải đảo (In-đô-nê-xi-a là quốc gia Hồi giáo đông dân nhất TG), và Thiên chúa giáo tập trung nhiều ở Phi-líp-pin."*

+ GV tổng kết, khen ngợi, chuẩn kiến thức ghi bài và chuyển hoạt động tiếp theo: *Có những quốc gia là cường quốc về dân số và cũng có những quốc gia có quy mô dân số khiêm tốn; có những quốc gia có cơ cấu dân số trẻ, có quốc gia đang ở giai đoạn cơ cấu dân số vàng và có những quốc gia đã đang bước vào giai đoạn già hoá dân số... và khẳng định: Ngày nay, Đông Nam Á là một trong những thị trường lớn nhất và có lực lượng lao động lớn thứ ba trên thế giới. Tuy nhiên, do xu hướng giảm tỉ suất sinh và tăng chất lượng cuộc sống nên già hoá dân số đang trở thành một vấn đề mà nhiều quốc gia trong khu vực đang và sẽ phải đối mặt, điển hình là Xin-ga-po, kế đến là Thái Lan và Việt Nam.*

+ GV mở rộng thêm kiến thức trong quá trình dạy: Phật giáo phổ biến ở Đông Nam Á lục địa, Hồi giáo phổ biến ở Đông Nam Á biển đảo (In-đô-nê-xi-a là quốc gia có dân số theo đạo Hồi đông nhất thế giới), Thiên chúa giáo có ở hầu hết các quốc gia, đặc biệt là Phi-líp-pin

III. Dân cư và xã hội

Yếu tố	Đặc điểm nổi bật	Tác động đến Kinh tế - Xã hội
Dân cư	- Quy mô lớn (8,6% TG); gia tăng tự nhiên giảm nhưng vẫn cao. - Cơ cấu: Dân số trẻ, lao động dồi dào (một số nước đang già hoá). - Phân bố không đều (tập trung ở đồng bằng, ven biển). - Tỉ lệ đô thị hoá chưa cao (49,9%) nhưng đang tăng nhanh.	- **Thuận lợi:** Thị trường tiêu thụ rộng lớn, nguồn lao động dồi dào thu hút đầu tư. - **Khó khăn:** Sức ép lên kinh tế, việc làm, y tế, môi trường và cơ sở hạ tầng đô thị.
Xã hội	- Văn hoá, phong tục có nhiều nét tương đồng. - Đa dạng tôn giáo (Phật giáo, Hồi giáo, Thiên chúa giáo...). - Chất lượng cuộc sống được cải thiện nhưng còn chênh lệch. - Chính trị - xã hội tương đối ổn định.	- **Thuận lợi:** Dễ dàng giao lưu, hợp tác cùng phát triển; tạo nền văn hoá đa dạng thu hút du lịch. - **Khó khăn:** Tiềm ẩn một số rủi ro do khác biệt tôn giáo, sắc tộc và chênh lệch mức sống.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố, hệ thống hóa kiến thức lí thuyết về vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á.

b) Nội dung: HS làm việc cá nhân tham gia cuộc thi "ĐẠI SỨ ĐÔNG NAM Á". HS sử dụng thẻ trắc nghiệm (A, B, C, D) hoặc bảng con để trả lời nhanh bộ 5 câu hỏi cốt lõi. Từ các từ khóa đúng, HS viết một câu/đoạn văn ngắn gọn tóm tắt đặc điểm khu vực.

c) Sản phẩm: Đáp án trắc nghiệm của HS (giơ đồng loạt), và đoạn văn ngắn xâu chuỗi thông tin của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Luật chơi: GV trình chiếu 5 câu hỏi thử thách. Thay vì giơ tay, sau hiệu lệnh "Hết giờ (15 giây/câu)", tất cả HS đồng loạt giơ thẻ đáp án (A, B, C, D)/ bảng con hoặc thẻ Quizizz giấy và GV đưa câu hỏi lên Quizizz. HS nào trả lời đúng cả 5 câu sẽ bước vào vòng thi cuối cùng để nhận danh hiệu "Đại sứ".
- **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** GV lần lượt chiếu từng câu hỏi. HS suy nghĩ và chọn đáp án.
- **Bước 3.Báo cáo, thảo luận:**

+ Sau mỗi câu, HS giơ thẻ. GV quan sát nhanh tỉ lệ lớp làm đúng/sai, chiếu đáp án chuẩn và giải thích chớp nhoáng những lỗi sai học sinh hay mắc phải (Ví dụ ở câu 2).

+ Vòng thi Đại sứ (1.5 phút): GV yêu cầu các HS xuất sắc nhất: "Hãy xâu chuỗi các đáp án đúng của 5 câu vừa rồi thành một đoạn văn ngắn (2-3 câu) khái quát về Đông Nam Á".

- **Bước 4. Kết luận, nhận định:**

+ GV tuyên dương các "Đại sứ Đông Nam Á" của lớp.

+ GV tổng kết lại đặc điểm cốt lõi chuyển sang phần Vận dụng.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu:

- Vận dụng tri thức địa lí thu thập tư liệu về tự nhiên, dân cư để giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để hoàn thành yêu cầu: **tìm hiểu tác động của nước biển dâng, bão lũ và suy giảm tài nguyên rừng, sinh vật, biển tại ĐNA.**

c) Sản phẩm: Bài làm của nhóm HS gửi trên trang Zalo cho giáo viên .

*** Tham khảo**

Đông Nam Á (ĐNA) là một trong những khu vực chịu tổn thương nặng nề nhất toàn cầu trước biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường do có đường bờ biển dài, mật độ dân số cao tập trung ở các đồng bằng thấp và phụ thuộc lớn vào nông - ngư nghiệp.

1. Tác động của nước biển dâng (NBD)

- **Mất đất và ngập lụt vĩnh viễn:** Các đồng bằng châu thổ trù phú như Đồng bằng sông Cửu Long (Việt Nam), đồng bằng sông Chao Phraya (Thái Lan), sông Irrawaddy (Myanmar) và các vùng ven biển thấp ở Indonesia (như Jakarta) đang bị thu hẹp diện tích nghiêm trọng.
- **Xâm nhập mặn sâu vào nội địa:** Nước mặn lấn sâu làm thoái hóa đất nông nghiệp, phá hủy các vùng chuyên canh lúa gạo và cây ăn trái, đồng thời làm ô nhiễm nguồn nước ngọt sinh hoạt và sản xuất.
- **Gia tăng xói lở bờ biển và sụt lún đất:** Kết hợp với việc khai thác nước ngầm quá mức, NBD đẩy nhanh tốc độ sạt lở bờ biển, đe dọa trực tiếp đến các công trình hạ tầng giao thông, khu công nghiệp và đô thị ven biển.

2. Tác động của bão lũ và thời tiết cực đoan

- **Thiệt hại nặng nề về người và tài sản:** ĐNA nằm trên đường đi của nhiều siêu bão nhiệt đới (đặc biệt là Philippines và Việt Nam). Bão lớn kèm mưa cực đoan gây ra lũ quét, sạt lở đất ở vùng núi và ngập úng diện rộng tại các đô thị lớn (như Manila, Bangkok, Jakarta, TP.HCM).

- **Phá hủy hạ tầng và gián đoạn chuỗi cung ứng:** Lũ lụt làm hư hại hệ thống giao thông, lưới điện, cảng biển và khu công nghiệp, gây thiệt hại hàng tỷ USD mỗi năm và làm gián đoạn chuỗi sản xuất khu vực.
- **Bùng phát dịch bệnh và mất an ninh lương thực:** Nước lũ tù đọng tạo điều kiện cho các dịch bệnh truyền nhiễm (sốt xuất huyết, tả, bệnh ngoài da) lây lan; mùa màng bị cuốn trôi đẩy giá lương thực tăng cao.

3. Hệ lụy từ suy giảm tài nguyên rừng, sinh vật và biển

Lĩnh vực suy giảm	Nguyên nhân chính	Tác động trực tiếp và gián tiếp
Tài nguyên rừng	Phá rừng lấy đất nông nghiệp (cọ dầu, cao su), khai thác gỗ trái phép, cháy rừng.	**Mất "lá chắn" tự nhiên:** Rừng đầu nguồn suy giảm làm mất khả năng giữ nước, khiến lũ lụt ở hạ lưu dữ dội hơn và sạt lở đất nghiêm trọng hơn. Rừng ngập mặn ven biển bị tàn phá làm mất đi đê chắn sóng tự nhiên trước bão và NBD.
Đa dạng sinh học	Mất môi trường sống, săn bắt trái phép, biến đổi khí hậu.	**Phá vỡ cân bằng sinh thái:** Nhiều loài đặc hữu đứng trước nguy cơ tuyệt chủng; suy giảm các loài thiên địch dẫn đến bùng phát dịch hại nông nghiệp; mất đi nguồn gen quý giá phục vụ y dược và lai tạo giống.
Tài nguyên biển	Đánh bắt tận diệt, rác thải nhựa, axit hóa đại dương và nước biển ấm lên.	**Tẩy trắng san hô & cạn kiệt thủy sản:** Các rạn san hô (như khu vực Tam giác San hô) bị chết hàng loạt, làm mất nơi sinh sản của cá. Ngư dân mất sinh kế, đe dọa nguồn cung cấp protein chính cho hàng trăm triệu người dân ĐNA.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV trình chiếu yêu cầu, giao nhiệm vụ cụ thể cho 4 nhóm thực hiện ở nhà.

- GV hướng dẫn cụ thể: *"Về nhà, các nhóm mở công cụ ChatGPT/Gemini để tìm hiểu* ***tác động của nước biển dâng, bão lũ và suy giảm tài nguyên rừng, sinh vật, biển tại ĐNA.***

Hoàn thiện và nộp bản báo cáo qua Zalo cho giáo viên trước tiết học tới".

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Tại nhà, các nhóm dùng AI tạo khung văn bản thô theo cấu trúc gợi ý.
- HS tiến hành họp nhóm trực tuyến, Hoàn thiện và nộp bài làm lên Padlet/Zalo.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Vào đầu tiết học tiếp theo, GV mở Padlet/Zalo chiếu bài nộp của một nhóm đại diện.
- Cả lớp theo dõi và đưa ra nhận xét sản phẩm.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV đánh giá quá trình tự học và tư duy phản biện ở nhà của HS.
- GV hướng dẫn HS chốt kiến thức có liên quan.

IV. PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhiệm vụ: Em hãy sử dụng tư liệu từ SGK (Mục I) và quan sát bản đồ để hoàn thành các thông tin dưới đây:

PHẦN 1: LÃNH THỔ

1. Tổng diện tích khu vực: .....
2. Số lượng quốc gia: .....
3. Lãnh thổ được chia thành 2 bộ phận chính là: ..... và .....

PHẦN 2: VỊ TRÍ VÀ TIẾP GIÁP

4. Phần đất liền kéo dài từ vĩ độ: ..... đến vĩ độ: ..... 5. Điền tên các khu vực/đại dương tiếp giáp với Đông Nam Á:

- Phía Bắc giáp: .....
- Phía Tây giáp: .....
- Phía Đông giáp: .....
- Phía Nam giáp: .....
- Đông Nam Á được mệnh danh là "Chiếc cầu nối" giữa 2 lục địa ..... và .....

PHẦN 3: ĐÁNH GIÁ Ý NGHĨA VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

Điểm đánh giá	**Nội dung ảnh hưởng đến Kinh tế - Xã hội và An ninh**
Thuận lợi	- Nguồn tài nguyên thiên nhiên **(1)** ..... - Tạo điều kiện thuận lợi cho **(2)** ..... và phát triển kinh tế. - Nằm trên các tuyến đường biển và đường hàng không quốc tế quan trọng, đặc biệt có eo biển **(3)** ..... là đầu mối hàng hải lớn. - Có vị trí địa - chính trị quan trọng, là nơi **(4)** ..... của các nền văn hóa lớn.
Khó khăn	- Về tự nhiên: Thường xuyên chịu ảnh hưởng của **(5)** ..... (như bão, động đất, núi lửa, sóng thần...). - Về an ninh: Ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề **(6)** ..... trong khu vực.

PHIẾU PHẢN HỒI SỐ 1

PHẦN 1: LÃNH THỔ

1. Tổng diện tích khu vực: Khoảng 4,5 triệu km².
2. Số lượng quốc gia: 11 quốc gia.
3. Lãnh thổ được chia thành 2 bộ phận chính là: Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

PHẦN 2: VỊ TRÍ VÀ TIẾP GIÁP

4. Phần đất liền kéo dài từ vĩ độ 28°B đến 10°N.

5. Điền tên các khu vực/đại dương tiếp giáp với Đông Nam Á:

- Phía Bắc giáp: **Khu vực Đông Á**

- Phía Tây giáp: **Khu vực Nam Á và vịnh Ben-gan**
- Phía Đông giáp: **Thái Bình Dương**
- Phía Nam giáp: **Ô-xtrây-li-a và Ấn Độ Dương**
- Đông Nam Á được mệnh danh là "Chiếc cầu nối" giữa 2 lục địa **Á - Âu** và **Ô-xtrây-li-a**.

PHẦN 3: ĐÁNH GIÁ Ý NGHĨA VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

(1) phong phú. **(2)** giao lưu. **(3)** Ma-lắc-ca. **(4)** giao thoa. **(5)** các thiên tai. **(6)** bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhiệm vụ: hãy đọc nhanh thông tin SGK (Mục II) và quan sát Bản đồ Tự nhiên, tìm các "từ khoá" chính xác nhất để điền vào chỗ trống, hoàn thiện hồ sơ báo cáo của nhóm mình:

ĐKTN & TNTN	**ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT**	**ẢNH HƯỞNG ĐẾN KT - XH**
1. Địa hình, đất	- Lục địa: Bị chia cắt mạnh bởi núi chạy hướng **(1)**..... hoặc B-N; có đồng bằng châu thổ rộng. Đất chủ yếu là **(2)**..... và phù sa. - Hải đảo: Chủ yếu là núi trẻ, nhiều **(3)**..... Đồng bằng nhỏ hẹp. Đất khá màu mỡ do dung nham phong hoá.	- Gây khó khăn cho **(4)**..... (lục địa). - Thuận lợi phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu cây trồng **(5)**.....
2. Khí hậu	- Đại bộ phận nằm trong đới khí hậu **(6)**..... và nhiệt đới: Nhiệt độ cao (>21°C), độ ẩm lớn (>80%), lượng mưa **(7)**..... - Có sự phân hoá theo **(8)**.....	- Thuận lợi: Phát triển nông nghiệp nhiệt đới, du lịch, cư trú. - Khó khăn: Chịu ảnh hưởng của **(9)**....., lũ lụt và biến đổi khí hậu.
3. Sông, hồ	- Sông ngòi: Lục địa có mạng lưới dày đặc, nhiều sông lớn (ví dụ: sông **(10)**.....), nước theo mùa. Hải đảo sông **(11)**....., nhiều nước. - Hồ: Nhiều hồ tự nhiên lớn (Ví dụ: hồ **(12)**.....)	Cung cấp nước tưới sinh hoạt, thuỷ sản, giao thông thuỷ, **(13)**..... và du lịch.
4. Sinh vật	Diện tích rừng **(14)**..... lớn (khoảng 2 triệu km²). Mức độ đa dạng sinh học cao bậc nhất thế giới, nhiều **(15)**.....	Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, dược liệu. Tuy nhiên đang bị **(16)**..... quá mức.
5. Khoáng sản	Đa dạng, nhiều loại trữ lượng lớn: **(17)**..... (đứng đầu thế giới), than đá, sắt, **(18)**....., dầu mỏ, khí tự nhiên...	Cung cấp nguyên, nhiên liệu cho công nghiệp (nhiệt điện, **(19)**....., hoá dầu) và xuất khẩu.
6. Biển	Vùng biển rộng thuộc Ấn Độ Dương và **(20)**.....; giàu hải sản, khoáng sản, có nhiều bãi biển đẹp và vịnh biển.	Tạo thuận lợi cho hầu hết các quốc gia phát triển các ngành **(21)**.....

PHIẾU PHẢN HỒI SỐ 2

ĐKTN & TNTN	**ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT**	**ẢNH HƯỞNG ĐẾN KT - XH**
1. Địa hình, đất	- Lục địa: Bị chia cắt mạnh bởi núi chạy hướng **(1) TB-ĐN (Tây Bắc - Đông Nam)** hoặc B-N; có đồng	- Gây khó khăn cho **(4) giao lưu kinh tế** (lục địa).

	bằng châu thổ rộng. Đất chủ yếu là **(2) feralit** và phù sa. - Hải đảo: Chủ yếu là núi trẻ, nhiều **(3) núi lửa**. Đồng bằng nhỏ hẹp. Đất khá màu mỡ do dung nham phong hoá.	- Thuận lợi phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu cây trồng **(5) đa dạng**.
2. Khí hậu	- Đại bộ phận nằm trong đới khí hậu **(6) xích đạo** và nhiệt đới: Nhiệt độ cao (>21°C), độ ẩm lớn (>80%), lượng mưa **(7) nhiều**. - Có sự phân hoá theo **(8) đai cao**.	- Thuận lợi: Phát triển nông nghiệp nhiệt đới, du lịch, cư trú. - Khó khăn: Chịu ảnh hưởng của **(9) bão**.
3. Sông, hồ	- Sông ngòi: Lục địa có mạng lưới dày đặc, nhiều sông lớn (ví dụ: sông **(10) Mê Công**), nước theo mùa. Hải đảo sông **(11) ngắn**, nhiều nước. - Hồ: Nhiều hồ tự nhiên lớn (Ví dụ: hồ **(12) Tôn-lê Sáp**).	Cung cấp nước tưới sinh hoạt, thuỷ sản, giao thông thuỷ, **(13) thuỷ điện** và du lịch.
4. Sinh vật	Diện tích rừng **(14) nhiệt đới** lớn (khoảng 2 triệu km^2). Mức độ đa dạng sinh học cao bậc nhất thế giới, nhiều **(15) gỗ quý**.	Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, dược liệu. Tuy nhiên đang bị **(16) khai thác** quá mức.
5. Khoáng sản	Đa dạng, nhiều loại trữ lượng lớn: **(17) thiếc** (đứng đầu thế giới), than đá, sắt, **(18) bô-xít**, dầu mỏ, khí tự nhiên...	Cung cấp nguyên, nhiên liệu cho công nghiệp (nhiệt điện, **(19) luyện kim**, hoá dầu) và xuất khẩu.
6. Biển	Vùng biển rộng thuộc Ấn Độ Dương và **(20) Thái Bình Dương**; giàu hải sản, khoáng sản, có nhiều bãi biển đẹp và vịnh biển.	Tạo thuận lợi cho hầu hết các quốc gia phát triển các ngành **(21) kinh tế biển**.

CÂU HỎI LUYỆN TẬP

Câu 1: Đặc điểm nào sau đây đúng với vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á?

A. Nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, bao quanh bởi các đại dương.

B. Nằm ở trung tâm lục địa Á - Âu, không tiếp giáp với đại dương.

C. Là cầu nối tự nhiên giữa lục địa Á - Âu và lục địa Ô-xtrây-li-a.

D. Chỉ tiếp giáp duy nhất với Thái Bình Dương ở phía đông.

Đáp án đúng: C

Câu 2: Đặc điểm nổi bật của địa hình khu vực Đông Nam Á lục địa là

A. chủ yếu là núi trẻ, có rất nhiều núi lửa và thường xuyên xảy ra động đất.

B. bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi chạy hướng tây bắc - đông nam hoặc bắc - nam.

C. toàn bộ là các đồng bằng châu thổ rộng lớn, bề mặt địa hình bằng phẳng.

D. chủ yếu là các hoang mạc và bán hoang mạc rộng lớn, khô cằn.

Đáp án đúng: B

Câu 3: Đặc điểm dân cư nào sau đây tạo ra sức ép lớn nhất đối với việc giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống ở nhiều quốc gia Đông Nam Á hiện nay?

A. Tỉ lệ dân thành thị rất cao, dân cư tập trung toàn bộ ở các siêu đô thị lớn.

B. Cơ cấu dân số đang có xu hướng già hóa rất nhanh ở tất cả các quốc gia.

C. Quy mô dân số đông trong khi nền kinh tế chưa phát triển tương xứng.

D. Dân cư phân bố rất đồng đều giữa khu vực đồi núi và các vùng đồng bằng.

Đáp án đúng: C (Phương án A dùng bẫy "Nửa đúng nửa sai" và "Tuyệt đối hóa" (Đông Nam Á có siêu đô thị nhưng tỉ lệ dân thành thị nhìn chung chưa cao, khoảng 49,9% năm 2020). Phương án B sai ở chữ "tất cả các quốc gia" vì nhiều nước vẫn có cơ cấu dân số trẻ.)

Câu 4: Khí hậu xích đạo và nhiệt đới ẩm gió mùa mang lại thuận lợi chủ yếu nào sau đây cho sự phát triển kinh tế của khu vực Đông Nam Á?

A. Tạo điều kiện để phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.

B. Thuận lợi để xây dựng các hải cảng nước sâu và phát triển giao thông vận tải biển.

C. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu cây trồng, vật nuôi đa dạng.

D. Hình thành các vùng chăn nuôi gia súc lớn trên các đồng cỏ ôn đới rộng lớn.

Đáp án đúng: C

Câu 5: Ý nghĩa kinh tế chủ yếu của việc khu vực Đông Nam Á nằm trên con đường hàng hải nối liền Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương là

A. tạo điều kiện hình thành các trung tâm công nghiệp công nghệ cao ven biển.

B. thuận lợi giao thương quốc tế, thu hút đầu tư và phát triển tổng hợp kinh tế biển.

C. thúc đẩy mạnh mẽ quá trình giao lưu văn hóa, tôn giáo với các nền văn minh lớn.

D. tăng cường sức mạnh quân sự, bảo vệ vững chắc an ninh quốc phòng trong khu vực.

Đáp án đúng: B

TƯ LIỆU DẠY HỌC

- Hệ thống tranh ảnh (Các hình có nguồn và free) Các bài báo, link video

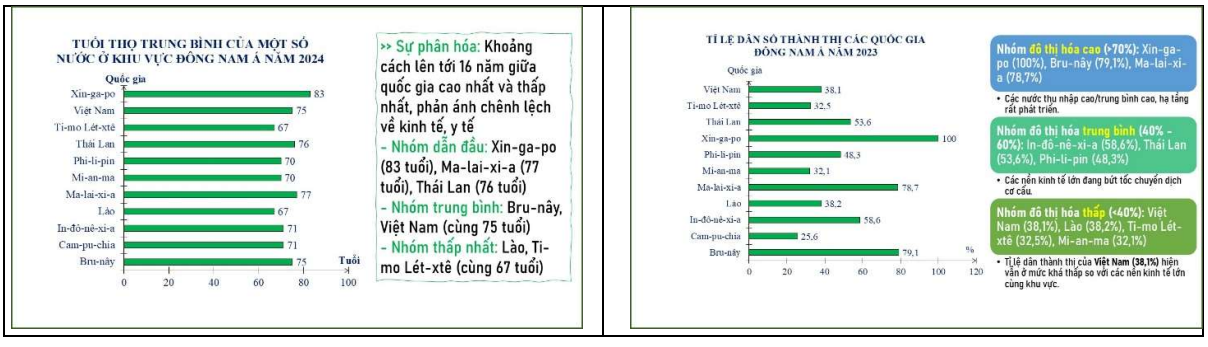

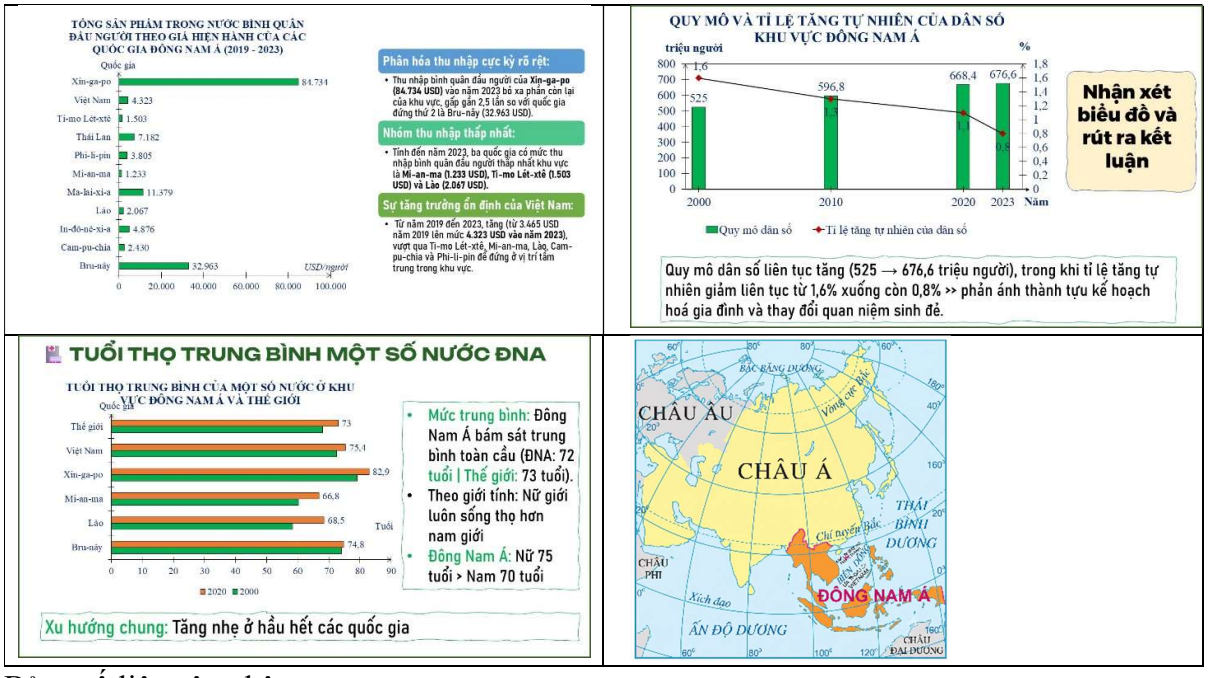

- Bảng số liệu cập nhật

Bảng 1: Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh của các quốc gia Đông Nam Á (2020 - 2024)

(Đơn vị tính: Năm)

Quốc gia	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Bru-nây	75,1	74,9	72,9	75,3	75
Cam-pu-chia	70,1	69,3	70,5	70,7	71
In-đô-nê-xi-a	68,8	67,5	70,9	71,1	71
Lào	68,3	67,8	68,7	69,0	67
Ma-lai-xi-a	76,1	73,9	75,4	76,7	77
Mi-an-ma	66,6	65,6	66,5	66,9	70
Phi-li-pin	70,1	66,7	69,5	69,8	70
Thái Lan	77,3	77,6	75,3	76,4	76
Ti-mo Lét-xtê	66,9	66,2	67,4	67,7	67
Việt Nam	73,7	73,6	73,6	74,5	75
Xin-ga-po	83,5	83,1	82,9	82,9	83

Nguồn trích xuất số liệu:

- **Giai đoạn 2020 - 2023:** Dữ liệu được trích xuất từ Biểu 1.6 - Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh giai đoạn 2015-2023, có nguồn gốc từ *Cơ sở dữ liệu Các chỉ tiêu phát triển thế giới - Ngân hàng Thế giới*.
- **Năm 2024:** Dữ liệu được trích xuất từ Biểu 469 - Tỉ lệ sinh, tỉ lệ chết, tỉ lệ tăng tự nhiên và tuổi thọ bình quân của một số nước và vùng lãnh thổ năm 2024, có nguồn gốc từ *Áp phích số liệu dân số thế giới năm 2024 của Ủy ban nghiên cứu dân số Mỹ*

BẢNG 2. QUY MÔ VÀ TỈ LỆ TĂNG TỰ NHIÊN CỦA DÂN SỐ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Chỉ tiêu \ Năm	2000	2010	2020	Số liệu cập nhật mới nhất

Quy mô dân số *(triệu người)*	525,0	596,8	668,4	**676,6** *(Năm 2023)*
Tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số *(%)*	1,6	1,3	1,1	**0,8** *(Năm 2023 và Năm 2024)*

Nguồn lấy số liệu cập nhật:

- ***Quy mô dân số (năm 2023):*** *Được lấy từ Infographic "Một số chỉ tiêu chủ yếu của các quốc gia Đông Nam Á năm 2023" do Cục Thống kê công bố.*
- ***Tỉ lệ tăng tự nhiên (năm 2023):*** *Tính toán từ số liệu của 11 quốc gia Đông Nam Á năm 2023, trích từ Biểu 1.2 (Dân số), Biểu 1.4 (Tỷ suất sinh thô), và Biểu 1.5 (Tỷ suất chết thô).*
- ***Tỉ lệ tăng tự nhiên (năm 2024):*** *Được trích xuất từ Biểu 469 trong phần Số liệu thống kê nước ngoài, có nguồn gốc thực tế từ Áp phích số liệu dân số thế giới năm 2024 của Ủy ban nghiên cứu dân số Mỹ.*

Bảng 3: Tỉ lệ dân số thành thị các quốc gia Đông Nam Á năm 2023

(Đơn vị: %)

Quốc gia	Tỉ lệ dân số thành thị
Bru-nây	79,1
Cam-pu-chia	25,6
In-đô-nê-xi-a	58,6
Lào	38,2
Ma-lai-xi-a	78,7
Mi-an-ma	32,1
Phi-li-pin	48,3
Xin-ga-po	100,0
Thái Lan	53,6
Ti-mo Lét-xtê	32,5
Việt Nam	38,1

(Nguồn số liệu: Trích xuất từ Biểu 468 - Diện tích và dân số của một số nước và vùng lãnh thổ, Niên giám Thống kê nước ngoài, lấy từ Cơ sở dữ liệu Các chỉ số phát triển thế giới của Ngân hàng Thế giới).

IV. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành yêu cầu phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: *bài 12. Kinh tế khu vực Đông Nam Á.*